

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC TRẠM ĐẠI PHƯỚC (ĐẦU NGUỒN)
Thời gian lấy mẫu / *Sampling date* 9h25, 05/03/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / *Unit/sample: 10 L*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.11	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-
7.12	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,3	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene 1,2-dichlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.84	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13
7.85	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4
7.86	Hàm lượng Formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100
7.87	Hàm lượng Monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20
7.88	Hàm lượng Bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,5	-
7.89	Hàm lượng Bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.90	Hàm lượng Chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	24,3	-
7.91	Hàm lượng Dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,6	-
7.92	Hàm lượng Dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.93	Hàm lượng Dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,9	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

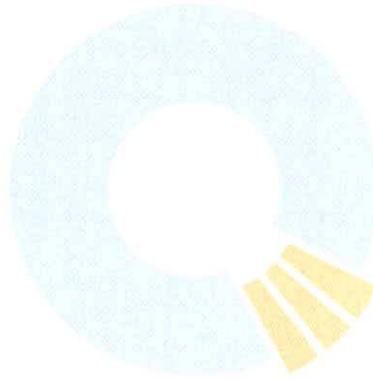
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 12/12

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị " < 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed*



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC HỘ: LÊ VĂN BA ĐƯỜNG LÝ THÁI TỔ - ÁP
CÂU KÊ - XÃ ĐẠI PHƯỚC (GIỮA NGUỒN)
Thời gian lấy mẫu / Sampling date 9h40, 05/03/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do
khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample
name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



20/03/2026
 Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene <i>1,3,5 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene <i>Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene <i>o-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene <i>m+p-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine <i>Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content</i>	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu <i>Color</i>	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi <i>Odor</i>	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ <i>No strange odor</i>	-
7.11	Độ pH <i>pH value</i>	-	TCVN 6492:2011	7,0	-
7.12	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,7	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.25	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,7	-
7.26	Hàm lượng Florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.27	Hàm lượng Kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.28	Hàm lượng Mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.29	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,85	-
7.30	Hàm lượng Nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.31	Hàm lượng Niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.33	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01
7.34	Hàm lượng Sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.35	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.36	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,9	-
7.37	Hàm lượng Sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02
7.38	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
 Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.39	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	41,0	-
7.40	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.41	Hàm lượng 1,1,1-Trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.42	Hàm lượng 1,2-Dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.43	Hàm lượng 1,2-Dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.44	Hàm lượng Carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.45	Hàm lượng Dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5
7.46	Hàm lượng Tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.47	Hàm lượng Trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.48	Hàm lượng Vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.61	Hàm lượng 1,3-Dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.62	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.63	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.64	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.65	Hàm lượng Aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.66	Hàm lượng Carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.67	Hàm lượng Chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.68	Hàm lượng Chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.69	Hàm lượng Chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.70	Hàm lượng Cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.71	Hàm lượng Dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.72	Hàm lượng Fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 10/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.84	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13
7.85	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4
7.86	Hàm lượng Formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100
7.87	Hàm lượng Monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20
7.88	Hàm lượng Bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,9	-
7.89	Hàm lượng Bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.90	Hàm lượng Chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	26,5	-
7.91	Hàm lượng Dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,7	-
7.92	Hàm lượng Dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.93	Hàm lượng Dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,1	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.94	Hàm lượng Trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.95	Hàm lượng Acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.96	Hàm lượng Acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.97	Hàm lượng Acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	11,1	-
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2

Ghi chú / Notes:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với đơn vị mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

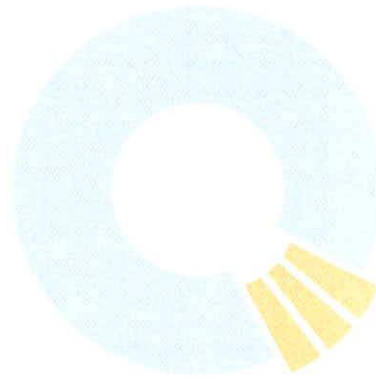
20/03/2026

Trang/ Page: 12/12

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed*

2



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC LỌC TRẠM CỨU HỎA SỐ 2 - XÃ ĐẠI PHƯỚC (CUỐI NGUỒN)**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date **9h55, 05/03/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.11	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-
7.12	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,6	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.25	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,7	-
7.26	Hàm lượng Florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.27	Hàm lượng Kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.28	Hàm lượng Mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.29	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,84	-
7.30	Hàm lượng Nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.31	Hàm lượng Niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.33	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01
7.34	Hàm lượng Sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.35	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.36	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,8	-
7.37	Hàm lượng Sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02
7.38	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.39	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	40,2	-
7.40	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.41	Hàm lượng 1,1,1-Trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.42	Hàm lượng 1,2-Dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.43	Hàm lượng 1,2-Dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.44	Hàm lượng Carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.45	Hàm lượng Dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5
7.46	Hàm lượng Tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.47	Hàm lượng Trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.48	Hàm lượng Vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene <i>Benzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen <i>Ethylbenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol <i>Pentachlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene <i>Styrene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene <i>Toluene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene <i>1,2-diclorobenzen content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene <i>Monochlorobenzen content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide <i>Acrylamide content</i>	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin <i>Epiclohydrin content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene <i>Hexachlorobutadiene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3 chloropropane <i>1,2-dibromo -3-chloropropan content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane <i>1,2-dicloropropan content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.61	Hàm lượng 1,3-Dichloropropene <i>1,3-dicloropropen content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.62	Hàm lượng 2,4-D <i>2,4-D content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.63	Hàm lượng 2,4-DB <i>2,4-DB content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.64	Hàm lượng Alachlor <i>Alachlor content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.65	Hàm lượng Aldicarb <i>Aldicarb content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.66	Hàm lượng Carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.67	Hàm lượng Chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.68	Hàm lượng Chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.69	Hàm lượng Chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.70	Hàm lượng Cyanazine <i>Cyanazine content</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.71	Hàm lượng Dichlorprop (2,4-DP) <i>Dichlorprop (2,4-DP) content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.72	Hàm lượng Fenoprop <i>Fenoprop content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCPP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.94	Hàm lượng Trichloroacetonitrile <i>Trichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.95	Hàm lượng Acid monochloroacetic <i>Monochloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.96	Hàm lượng Acid dichloroacetic <i>Dichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.97	Hàm lượng Acid trichloroacetic <i>Trichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	13,0	-
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2

Ghi chú / Notes:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

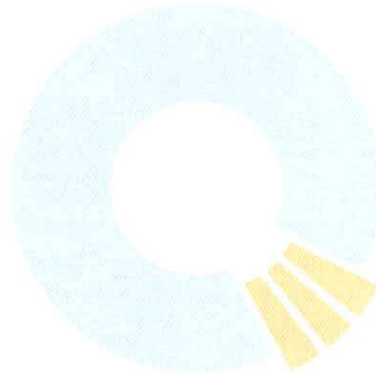
20/03/2026

Trang/ Page: 12/12



- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed*



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.04)
(MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
Trang/ Page: 1/6

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC THÔ TRẠM ĐẠI PHƯỚC**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date **10h15, 05/03/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 5 L / Unit/sample: 5 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) ⁽¹⁾ <i>Dichloro diphenyl trichloroethane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.1.1	Hàm lượng 4,4'-DDD ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDD content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.1.2	Hàm lượng 4,4'-DDE ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDE content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.1.3	Hàm lượng 4,4'-DDT ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDT content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.2	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide ⁽¹⁾ <i>Heptachlor and heptachlor epoxide content</i>	-	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.2.1	Hàm lượng Heptaclo ⁽¹⁾ <i>Heptaclo content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.2.2	Hàm lượng Heptaclo epoxit ⁽¹⁾ <i>Heptaclo epoxit content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.3	Hàm lượng Xylen ⁽¹⁾ <i>Xylene content</i>	mg/L	US EPA 5021A	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
 Trang/ Page: 3/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.3.1	Hàm lượng o-Xylen ⁽¹⁾ o-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.3.2	Hàm lượng p-Xylen ⁽¹⁾ p-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01
7.3.3	Hàm lượng m-Xylen ⁽¹⁾ m-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01
7.4	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	KPH	-
7.5	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,3	-
7.6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾ Amonium nitrogen content	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH	0,05
7.7	Chỉ số permanganate ⁽¹⁾ Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.8	Tổng hàm lượng cặn hòa tan (TDS) Total dissolved solids	mg/L	SMEWW 2540C:2023	55,8	-
7.9	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ⁽¹⁾ Total hardness (as CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	37,9	-
7.10	Hàm lượng asen (As) ⁽¹⁾ Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.11	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾ Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	4,2	-
7.12	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.13	Hàm lượng florua (F ⁻) ⁽¹⁾ Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.14	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) (¹) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 1,5 (LOQ)	0,5
7.15	Hàm lượng Cadimi (Cd) (¹) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,001
7.16	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) (¹) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,002
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (¹) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng Chì (Pb) (¹) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng tổng Crom (Cr) (¹) Total chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) (¹) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn) (¹) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.22	Hàm lượng niken (Ni) (¹) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.23	Hàm lượng mangan (Mn) (¹) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) (¹) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.25	Hàm lượng selen (Se) (¹) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.26	Hàm lượng Aldrin (¹) Aldrin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/6



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.27	Hàm lượng γ -HCH (Lindan) ⁽¹⁾ <i>γ-HCH (Lindane) content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.28	Hàm lượng Dieldrin ⁽¹⁾ <i>Hàm lượng Dieldrin content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.29	Diazinon ⁽¹⁾ <i>Diazinon</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.30	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾ <i>Parathion ethyl (Parathion)</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.31	Phenol ⁽¹⁾ <i>Phenol content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3650B & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.32	Hàm lượng Trichloroethylene ⁽¹⁾ <i>Trichloroethylen content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.33	Hàm lượng Tetrachloroethylene (PCE) ⁽¹⁾ <i>Tetrachloroethylene (PCE)</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,003
7.34	Hàm lượng 1,1,1-Triclo etan ⁽¹⁾ <i>1,1,1-Trichlorethane content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.35	Hàm lượng Benzen ⁽¹⁾ <i>Benzene content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
 Trang/ Page: 6/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.36	Hàm lượng Toluen ⁽¹⁾ Toluene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.37	Hàm lượng ethylbenzen ⁽¹⁾ Ethylbenzene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.38	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾ Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	< 0,09 (LOQ)	0,03
7.39	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾ Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,1
7.40	Coliforms	MPN/100m L	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(d)	-
7.41	Escherichia coli	MPN/100m L	SMEWW 9221B&F:2023	< 1,8 ^(d)	-

Ghi chú / Notes:

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- MPN: Số có xác suất lớn nhất / *Most probable number*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- ⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078 / *Parameters certified by VIMCERTS 078*
- ^(d): Kết quả được biểu thị “< 1,8 MPN/ 100 mL” khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp / *The result is expressed as “ < 1,8 MPN/ 100 mL ” when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.*

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC TRẠM ĐẠI PHƯỚC (ĐẦU NGUỒN)
Thời gian lấy mẫu / *Sampling date* 9h25, 05/03/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / *Unit/sample: 10 L*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Nguyễn Hoàng Linh



Phan Thành Trung

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-
7.11	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-
7.12	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,3	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.25	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,7	-
7.26	Hàm lượng Florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.27	Hàm lượng Kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.28	Hàm lượng Mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.29	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,70	-
7.30	Hàm lượng Nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.31	Hàm lượng Niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.33	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01
7.34	Hàm lượng Sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.35	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.36	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,7	-
7.37	Hàm lượng Sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ - D:2023	KPH	0,02
7.38	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.39	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	40,8	-
7.40	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.41	Hàm lượng 1,1,1-Trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.42	Hàm lượng 1,2-Dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.43	Hàm lượng 1,2-Dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.44	Hàm lượng Carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.45	Hàm lượng Dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5
7.46	Hàm lượng Tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.47	Hàm lượng Trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.48	Hàm lượng Vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 8/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.61	Hàm lượng 1,3-Dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.62	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.63	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.64	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.65	Hàm lượng Aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.66	Hàm lượng Carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.67	Hàm lượng Chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.68	Hàm lượng Chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.69	Hàm lượng Chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.70	Hàm lượng Cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.71	Hàm lượng Dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.72	Hàm lượng Fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 10/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.84	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13
7.85	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4
7.86	Hàm lượng Formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100
7.87	Hàm lượng Monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20
7.88	Hàm lượng Bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,5	-
7.89	Hàm lượng Bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.90	Hàm lượng Chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	24,3	-
7.91	Hàm lượng Dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,6	-
7.92	Hàm lượng Dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.93	Hàm lượng Dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,9	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact: QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.94	Hàm lượng Trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.95	Hàm lượng Acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.96	Hàm lượng Acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.97	Hàm lượng Acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	9,7	-
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2

Ghi chú / Notes:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

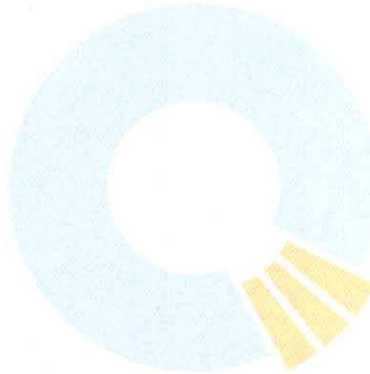
20/03/2026

Trang/ Page: 12/12

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed*

2



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC HỘ: LÊ VĂN BA ĐƯỜNG LÝ THÁI TỔ - ÁP
CÂU KÊ - XÃ ĐẠI PHƯỚC (GIỮA NGUỒN)
Thời gian lấy mẫu / Sampling date 9h40, 05/03/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do
khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample
name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Thân Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene <i>1,3,5 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene <i>Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene <i>o-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene <i>m+p-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine <i>Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content</i>	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu <i>Color</i>	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi <i>Odor</i>	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ <i>No strange odor</i>	-
7.11	Độ pH <i>pH value</i>	-	TCVN 6492:2011	7,0	-
7.12	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,7	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.25	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,7	-
7.26	Hàm lượng Florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.27	Hàm lượng Kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.28	Hàm lượng Mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.29	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,85	-
7.30	Hàm lượng Nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.31	Hàm lượng Niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.33	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01
7.34	Hàm lượng Sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.35	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.36	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,9	-
7.37	Hàm lượng Sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ - D:2023	KPH	0,02
7.38	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.39	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	41,0	-
7.40	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.41	Hàm lượng 1,1,1-Trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.42	Hàm lượng 1,2-Dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.43	Hàm lượng 1,2-Dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.44	Hàm lượng Carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.45	Hàm lượng Dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5
7.46	Hàm lượng Tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.47	Hàm lượng Trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.48	Hàm lượng Vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.61	Hàm lượng 1,3-Dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.62	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.63	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.64	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.65	Hàm lượng Aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.66	Hàm lượng Carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.67	Hàm lượng Chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.68	Hàm lượng Chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.69	Hàm lượng Chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.70	Hàm lượng Cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.71	Hàm lượng Dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.72	Hàm lượng Fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact: QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
 (MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.84	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13
7.85	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4
7.86	Hàm lượng Formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100
7.87	Hàm lượng Monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20
7.88	Hàm lượng Bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	8,9	-
7.89	Hàm lượng Bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.90	Hàm lượng Chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	26,5	-
7.91	Hàm lượng Dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,7	-
7.92	Hàm lượng Dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.93	Hàm lượng Dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,1	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 11/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.94	Hàm lượng Trichloroacetoneitrile Trichloroacetoneitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.95	Hàm lượng Acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.96	Hàm lượng Acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.97	Hàm lượng Acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	11,1	-
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2

Ghi chú / Notes:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab. is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 12/12

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC LỌC TRẠM CỨU HỎA SỐ 2 - XÃ ĐẠI PHƯỚC
(CUỐI NGUỒN)
Thời gian lấy mẫu / Sampling date 9h55, 05/03/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 10 L / Unit/sample: 10 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỜNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.2	Escherichia coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.5	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.5.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.2	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.5.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng tổng Trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.6.1	1,2,3 Trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.6.2	1,2,4 Trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.6.3	1,3,5 Trichlorobenzene <i>1,3,5 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7	Hàm lượng Xylene <i>Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	-	-
7.7.1	Hàm lượng o-Xylene <i>o-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.7.2	Hàm lượng m+p-Xylene <i>m+p-Xylene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.8	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine <i>Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content</i>	-	US EPA 536	-	-
7.8.1	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7
7.8.3	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.8.4	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.9	Độ màu <i>Color</i>	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5
7.10	Mùi <i>Odor</i>	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ <i>No strange odor</i>	-
7.11	Độ pH <i>pH value</i>	-	TCVN 6492:2011	7,0	-
7.12	Độ đục <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.13	Hàm lượng Asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005
7.14	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.15	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.16	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.17	Hàm lượng Antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.19	Hàm lượng Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng Cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.21	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	5,6	-
7.23	Hàm lượng Crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng Đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.25	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,7	-
7.26	Hàm lượng Florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.27	Hàm lượng Kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.28	Hàm lượng Mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.29	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,84	-
7.30	Hàm lượng Nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.31	Hàm lượng Niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.33	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01
7.34	Hàm lượng Sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.35	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.36	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,8	-
7.37	Hàm lượng Sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02
7.38	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được inched sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.39	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	40,2	-
7.40	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.41	Hàm lượng 1,1,1-Trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.42	Hàm lượng 1,2-Dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.43	Hàm lượng 1,2-Dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.44	Hàm lượng Carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.45	Hàm lượng Dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5
7.46	Hàm lượng Tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.47	Hàm lượng Trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.48	Hàm lượng Vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.49	Hàm lượng Benzene Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.50	Hàm lượng Ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.51	Hàm lượng Pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2
7.52	Hàm lượng Styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.53	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.54	Hàm lượng 1,2-Dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.55	Hàm lượng Monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.56	Hàm lượng Acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1
7.57	Hàm lượng Epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.58	Hàm lượng Hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13
7.59	Hàm lượng 1,2-Dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.60	Hàm lượng 1,2-Dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.61	Hàm lượng 1,3-Dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.62	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.63	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.64	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.65	Hàm lượng Aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.66	Hàm lượng Carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.67	Hàm lượng Chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.68	Hàm lượng Chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.69	Hàm lượng Chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.70	Hàm lượng Cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.71	Hàm lượng Dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.72	Hàm lượng Fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.73	Hàm lượng Hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.74	Hàm lượng Isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.76	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.77	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.78	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.79	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.81	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.82	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.83	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.84	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13
7.85	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4
7.86	Hàm lượng Formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100
7.87	Hàm lượng Monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20
7.88	Hàm lượng Bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	9,0	-
7.89	Hàm lượng Bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7
7.90	Hàm lượng Chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	26,8	-
7.91	Hàm lượng Dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,6	-
7.92	Hàm lượng Dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.93	Hàm lượng Dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,1	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 11/12



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.94	Hàm lượng Trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2
7.95	Hàm lượng Acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.96	Hàm lượng Acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.97	Hàm lượng Acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	13,0	-
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2

Ghi chú / Notes:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

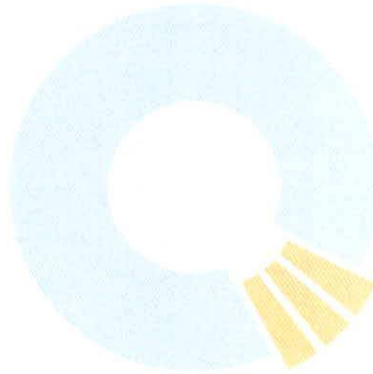
20/03/2026

Trang/ Page: 12/12

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / *The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed*

✓



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
(MTTN26002905.04)
(MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
Trang/ Page: 1/6

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU NƯỚC THÔ TRẠM ĐẠI PHƯỚC**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date **10h15, 05/03/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 5 L / Unit/sample: 5 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/03/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/03/2026 - 20/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Xã Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 2/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.1	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) ⁽¹⁾ <i>Dichloro diphenyl trichloroethane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.1.1	Hàm lượng 4,4'-DDD ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDD content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.1.2	Hàm lượng 4,4'-DDE ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDE content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.1.3	Hàm lượng 4,4'-DDT ⁽¹⁾ <i>4,4'-DDT content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.2	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide ⁽¹⁾ <i>Heptachlor and heptachlor epoxide content</i>	-	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.2.1	Hàm lượng Heptaclo ⁽¹⁾ <i>Heptaclo content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.2.2	Hàm lượng Heptaclo epoxit ⁽¹⁾ <i>Heptaclo epoxit content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.3	Hàm lượng Xylen ⁽¹⁾ <i>Xylene content</i>	mg/L	US EPA 5021A	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 3/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.3.1	Hàm lượng o-Xylen ⁽¹⁾ o-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.3.2	Hàm lượng p-Xylen ⁽¹⁾ p-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01
7.3.3	Hàm lượng m-Xylen ⁽¹⁾ m-Xylene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,01
7.4	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	KPH	-
7.5	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,3	-
7.6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾ Amonium nitrogen content	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH	0,05
7.7	Chỉ số permanganate ⁽¹⁾ Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1
7.8	Tổng hàm lượng cặn hòa tan (TDS) Total dissolved solids	mg/L	SMEWW 2540C:2023	55,8	-
7.9	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ⁽¹⁾ Total hardness (as CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	37,9	-
7.10	Hàm lượng asen (As) ⁽¹⁾ Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.11	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾ Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	4,2	-
7.12	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ⁽¹⁾ Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.13	Hàm lượng florua (F ⁻) ⁽¹⁾ Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
 (MTTN26002905.04)
 (MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026

Trang/ Page: 4/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.14	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) ⁽¹⁾ Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 1,5 (LOQ)	0,5
7.15	Hàm lượng Cadimi (Cd) ⁽¹⁾ Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,001
7.16	Hàm lượng Xyanua tổng (CN ⁻) ⁽¹⁾ Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,002
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾ Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng Chì (Pb) ⁽¹⁾ Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng tổng Crom (Cr) ⁽¹⁾ Total chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) ⁽¹⁾ Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn) ⁽¹⁾ Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.22	Hàm lượng niken (Ni) ⁽¹⁾ Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005
7.23	Hàm lượng mangan (Mn) ⁽¹⁾ Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) ⁽¹⁾ Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.25	Hàm lượng selen (Se) ⁽¹⁾ Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.26	Hàm lượng Aldrin ⁽¹⁾ Aldrin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C022353
(MTTN26002905.04)
(MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
Trang/ Page: 5/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.27	Hàm lượng γ -HCH (Lindan) ⁽¹⁾ <i>γ-HCH (Lindane) content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.28	Hàm lượng Dieldrin ⁽¹⁾ <i>Hàm lượng Dieldrin content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.29	Diazinon ⁽¹⁾ <i>Diazinon</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.30	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾ <i>Parathion ethyl (Parathion)</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,005
7.31	Phenol ⁽¹⁾ <i>Phenol content</i>	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 3650B & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.32	Hàm lượng Trichloroethylene ⁽¹⁾ <i>Trichloroethylen content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.33	Hàm lượng Tetrachloroethylene (PCE) ⁽¹⁾ <i>Tetrachloroethylene (PCE)</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,003
7.34	Hàm lượng 1,1,1-Tricloetan ⁽¹⁾ <i>1,1,1-Trichlorethane content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.35	Hàm lượng Benzen ⁽¹⁾ <i>Benzene content</i>	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,002

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C022353
(MTTN26002905.04)
(MT.2026.01191)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/03/2026
Trang/ Page: 6/6

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection
7.36	Hàm lượng Toluene ⁽¹⁾ Toluene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.37	Hàm lượng ethylbenzen ⁽¹⁾ Ethylbenzene content	mg/L	US EPA 5021A	KPH	0,005
7.38	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾ Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	< 0,09 (LOQ)	0,03
7.39	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾ Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,1
7.40	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(d)	-
7.41	Escherichia coli	MPN/100mL	SMEWW 9221B&F:2023	< 1,8 ^(d)	-

Ghi chú / Notes:

- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- MPN: Số có xác suất lớn nhất / Most probable number
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- ⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078 / Parameters certified by VIMCERTS 078
- ^(d): Kết quả được biểu thị “< 1,8 MPN/ 100 mL” khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp / The result is expressed as “< 1,8 MPN/ 100 mL” when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.